

Bản án số: 390/2024/DS-PT

Ngày: 18-9-2024

V/v tranh chấp hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU****- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thế Phương*Các Thẩm phán:*

Bà Nguyễn Thị Hiền

Bà Hoàng Thị Hải Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nguyên là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.**- Đại diện viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Hồng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 175/2023/TLPT-DS ngày 24 tháng 6 năm 2024, về việc “Tranh chấp hụi”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 98/2024/DS-ST ngày 10/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 187/2024/QĐ-PT ngày 29 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trương Thị T; Sinh năm: 1972 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp X, xã H, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Hà Văn S – Văn phòng L (vắng mặt)**2. Bị đơn:** Ông Lê Văn T1; Sinh năm 1970 (có mặt)

Bà Ngô Thị N; Sinh năm 1972 (có mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp C, xã A, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

3. Người kháng cáo: Bà Trương Thị T (là nguyên đơn); ông Lê Văn T1, bà Ngô Thị N (là bị đơn).**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Nguyên đơn bà Trương Thị T trình bày: Từ năm 2019 (al) đến năm 2020 (al), bà làm chủ mở 04 dây hụi loại 1.000.000 đồng và 2.000.000 đồng, trong các hụi viên có vợ chồng bà Ngô Thị N, ông Lê Văn T1 tham gia chơi nhiều dây hụi, cụ thể như sau:

- Dây thứ 01: Mở ngày 15/07/2019 (al), loại hụi 1.000.000 đồng, gồm 27 phần hụi, vợ chồng bà Ngô Thị N, ông Lê Văn T1 tham gia 01 phần và đã hốt hụi

vào ngày 15/11/2019 (al). Dây hụi này mẫn hụi vào ngày 15/08/2021, vợ chồng bà Ngô Thị N, ông Lê Văn T1 còn nợ 7.000.000 đồng.

- Dây thứ 02: Mở ngày 30/09/2019 (al), loại hụi 2.000.000 đồng, gồm 25 phần hụi, vợ chồng bà Ngô Thị N, ông Lê Văn T1 tham gia 01 phần và đã hốt ngày 30/12/2019 (al). Dây hụi này mẫn hụi vào ngày 30/10/2021 (al), vợ chồng bà Ngô Thị N, ông Lê Văn T1 còn nợ 18.000.000 đồng.

- Dây thứ 03: Mở ngày 30/04/2020 (al), loại hụi 2.000.000 đồng, gồm 28 phần hụi, vợ chồng bà Ngô Thị N, ông Lê Văn T1 tham gia 01 phần hụi và đã hốt vào ngày 30/07/2020 (al). Dây hụi này mẫn hụi vào ngày 30/07/2022 (al), vợ chồng bà Ngô Thị N, ông Lê Văn T1 còn nợ 42.000.000 đồng.

- Dây thứ 04: Mở ngày 10/07/2020 (al), loại hụi 2.000.000 đồng, gồm 28 phần hụi, vợ chồng bà Ngô Thị N, ông Lê Văn T1 tham gia 02 phần hụi đã hốt một phần hụi vào ngày 10/08/2020 (al), một phần hụi hốt vào ngày 10/10/2020 (al). Dây hụi này mẫn hụi vào ngày 10/09/2022 (al), vợ chồng bà Ngô Thị N, ông Lê Văn T1 ngưng đóng hụi từ ngày 10/11/2020 (al) và còn nợ 88.000.000 đồng.

Tổng cộng qua 04 dây hụi thì vợ chồng bà Ngô Thị N, ông Lê Văn T1 nợ số tiền hụi 155.000.000 đồng, đã nộp nhiều lần hụi chết được 8.000.000 đồng, còn nợ lại 147.000.000 đồng yêu cầu vợ chồng bà Ngô Thị N, ông Lê Văn T1 trả lại.

Bị đơn bà Ngô Thị N trình bày: Bà chỉ có tham gia chơi 01 phần hụi do bà Trương Thị T làm chủ, loại hụi 2.000.000 đồng và bà đã nộp hụi sống được 20 kỳ bằng số tiền 30.000.000 đồng. Nhưng do bà Trương Thị T không cung cấp danh sách hụi viên cho bà nên bà không biết dây hụi có bao nhiêu hụi viên, bao nhiêu phần hụi, không nhớ ngày mở hụi và cũng không biết ngày mẫn hụi nên bà ngưng không nộp hụi thêm. Phần hụi trong dây hụi này bà chưa hốt hụi (hụi sống). Việc bà Trương Thị T cho rằng vợ chồng bà nợ tiền hụi 147.000.000 đồng là không đúng và bà cũng không có tham gia các dây hụi như bà Trương Thị T trình bày nên bà không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị T.

Ông Lê Văn T1 thống nhất với toàn bộ trình bày của bà Ngô Thị N.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 98/2024/DS-ST ngày 10/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau đã quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị T. Buộc bà Ngô Thị N và ông Lê Văn T1 có trách nhiệm thanh toán cho bà Trương Thị T số tiền 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng). Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị T về việc buộc bà Ngô Thị N và ông Lê Văn T1 có trách nhiệm thanh toán cho bà Trương Thị T số tiền 67.000.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 24/5/2024, nguyên đơn và bị đơn kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm. Bà Trương Thị T yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; ông Lê Văn T1 và bà Ngô Thị N yêu cầu bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ

án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận các kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 98/2024/DS-ST ngày 10/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn đều được thực hiện trong hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét về quan hệ pháp luật thì giữa nguyên đơn và bị đơn có xác lập giao dịch hụi và tranh chấp với nhau về nghĩa vụ thanh toán. Từ đó, cấp sơ thẩm đã xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hụi” và áp dụng dụng các Điều 463, 466, 468, 471 của Bộ luật Dân sự để giải quyết là có căn cứ.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn cho thấy:

Nguyên đơn bà Trương Thị T xác định là vợ chồng bà Ngô Thị N, ông Lê Văn T1 nợ tiền hụi từ 04 dây hụi bằng số tiền 147.000.000 đồng nhưng bà Trương Thị T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh ngoài nội dung thừa nhận của bà Ngô Thị N tại “Biên bản hòa giải ngày 26/3/2023 của ấp C, xã A” và “Biên bản hòa giải ngày 08/9/2023 của Ủy ban nhân dân xã A”. Việc mở hụi, khai hụi, mãn hụi, nợ tiền hụi giữa bà Trương Thị T là chủ hụi với các thành viên trong các dây hụi đều không được xác lập bằng văn bản. Quá trình bà Ngô Thị N tham gia chơi hụi do bà Trương Thị T làm chủ cũng không có chứng cứ chứng minh cụ thể. Còn bị đơn bà Ngô Thị N cho rằng bà chỉ tham gia 01 phần hụi, loại hụi 2.000.000 đồng, đã nộp hụi (hụi sống) 20 kỳ bằng số tiền 30.000.000 đồng thì ngừng tham gia và đây là phần hụi sống mà bà chưa hết hụi nhưng cũng chỉ lời khai từ một phía của bà Ngô Thị N không được sự thừa nhận của bà Trương Thị T và bà Ngô Thị N cũng không có chứng cứ gì để chứng minh. Từ đó, Tòa án cấp sơ thẩm không cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị T và không công nhận ý kiến của bị đơn.

Theo nội dung khởi kiện, bà Trương Thị T xác định bị đơn tham gia 05 phần hụi ở 04 dây hụi, gồm: Dây hụi 1.000.000 đồng mở ngày 15/07/2019 (al); dây hụi 2.000.000 đồng mở ngày 30/09/2019 (al); dây hụi 2.000.000 đồng mở ngày 30/04/2020 (al) và dây hụi 2.000.000 đồng mở ngày 10/07/2020 (al). Trong đó, dây hụi mở ngày 15/7/2019 (al) và dây hụi mở ngày 30/4/2020 (al) hoàn toàn không có một căn cứ, chứng cứ nào để chứng minh cho việc tham gia chơi hụi và nợ tiền hụi của bà Ngô Thị N nên Tòa án cấp sơ thẩm không công nhận là phù hợp.

Đối với dây hụi 2.000.000 đồng, gồm 25 phần hụi, mở ngày 30/09/2019 (al) dây hụi này bà Ngô Thị N cho rằng bà tham gia 02 chân, nộp được 20 lần hụi sống bằng 30.000.000 đồng thì ngưng không tham gia tiếp, hụi bà chưa hết nhưng bà Ngô Thị N không cung cấp được chứng cứ để chứng minh. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Ngô Thị N thừa nhận là tham gia 01 phần hụi trong dây hụi này và đã nộp được 20 kỳ nộp hụi, mỗi kỳ nộp 1.500.000 đồng. Còn bà Trương Thị T xác định là bà Ngô Thị N chỉ tham gia 01 phần hụi và đã hết vào ngày 30/12/2019 (al), nợ lại hụi chết là 18.000.000 đồng nhưng bà Trương Thị T cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình về việc vợ chồng bà Ngô Thị N nợ

18.000.000 đồng của dây hụi nêu trên. Tại “Biên bản hòa giải ngày 26/3/2023 của ấp C, xã A” và “Biên bản hòa giải ngày 08/9/2023 của Ủy ban nhân dân xã A” bà Trương Thị T thừa nhận dây hụi này bà Ngô Thị N tham gia 01 phần hụi và nộp được 04 lần hụi sống và bà đã tính cho bà Ngô Thị N theo phần hụi chết của 04 lần nộp hụi bằng số tiền 8.000.000 đồng để đối trừ vào số tiền hụi còn nợ 88.000.000 đồng của dây hụi mở ngày 10/7/2020(al). Từ đó, không có căn cứ công nhận cho lời khai của bà Ngô Thị N về việc tham gia hai phần hụi và đã nộp được 30 triệu đồng mà chỉ có căn cứ để xác định bà Ngô Thị N tham gia 01 phần hụi và đã nộp được 04 kỳ hụi theo sự thừa nhận của bà Trương Thị T bằng 8.000.000 đồng và đồng thời không công nhận yêu cầu của bà Trương Thị T là vợ chồng bà Ngô Thị N nợ tiền hụi trong dây hụi này bằng 18.000.000 đồng.

Đối với dây hụi 2.000.000 đồng, có 28 phần hụi, mở ngày 10/07/2020 (al), dây hụi này bà Ngô Thị N không thừa nhận là đã tham gia hụi viên nhưng bà Trương Thị T xác định bà Ngô Thị N tham gia 02 phần hụi, đã hốt hụi và còn nợ lại 22 kỳ hụi chết bằng 88.000.000 đồng. Tại “Biên bản hòa giải ngày 26/3/2023 của ấp C, xã A” và “Biên bản hòa giải ngày 08/9/2023 của Ủy ban nhân dân xã A” bà Ngô Thị N thừa nhận là dây hụi này bà đã tham gia 02 phần hụi, hốt hụi vào các ngày 10/8/2020 (al) và ngày 10/10/2020 (al); dây hụi đã mãn vào ngày 10/9/2022 (al). Sau khi hốt hụi, bà Ngô Thị N không chứng minh việc nộp xong hụi chết kể từ sau khi hốt hụi (ngày 10/10/2020 (al)). Tòa án cấp sơ thẩm công nhận yêu cầu của bà Trương Thị T trong việc xác định bà Ngô Thị N tham gia 02 phần hụi trong dây hụi mở ngày 10/7/2020 (al) và còn nợ lại bà Trương Thị T số tiền hụi 88.000.000 đồng là có căn cứ.

Theo nội dung “Biên bản hòa giải ngày 26/3/2023 của ấp C, xã A” và “Biên bản hòa giải ngày 08/9/2023 của Ủy ban nhân dân xã A” mà bà Ngô Thị N phủ nhận ý kiến của mình là không có căn cứ để chấp nhận. Ngoài ra, theo sự thừa nhận của bà Trương Thị T thì bà Ngô Thị N đã gửi tiền nộp hụi của dây hụi ngày 30/9/2019 bằng 8.000.000 đồng nên chấp nhận đối trừ. Từ diễn biến trên Tòa án cấp sơ thẩm xác định bà Ngô Thị N có tham gia hụi do bà Trương Thị T làm chủ và nợ lại bà Trương Thị T số tiền 80.000.000 đồng là phù hợp.

[5] Từ những nội dung trên, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Trương Thị T và không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Ngô Thị N, ông Lê Văn T1. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 98/2024/DS-ST ngày 10/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

[6] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau là phù hợp nên được chấp nhận.

[7] Bà Trương Thị T; bà Ngô Thị N, ông Lê Văn T1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận bộ kháng cáo của bà Trương Thị T và kháng cáo của bà Ngô Thị N, ông Lê Văn T1. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 98/2024/DS-

ST ngày 10/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

2. Căn cứ vào các Điều 26; 147, 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 468, 471 của Bộ luật dân sự; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, họ, hui, biêu, phưong; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị T. Buộc bà Ngô Thị N và ông Lê Văn T1 cùng chịu trách nhiệm trả cho bà Trương Thị T số tiền hui còn nợ là 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bà Trương Thị T yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong số tiền phải trả thì bà Ngô Thị N, ông Lê Văn T1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- Không chấp nhận yêu cầu của bà Trương Thị T về việc buộc bà Ngô Thị N và ông Lê Văn T1 trả số tiền chênh lệch còn lại là 67.000.000 đồng.

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Ngô Thị N và ông Lê Văn T1 phải chịu 4.000.000 đồng (chưa nộp). Bà Trương Thị T phải chịu 3.350.000 đồng, ngày 08/11/2023 bà T đã dự nộp 3.825.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau theo biên lai thu số 0007570 nay được đối trừ, bà Trương Thị T được nhận lại 475.000 đồng.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trương Thị T phải chịu 300.000 đồng được đối trừ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đồng tại Biên lai thu tiền số 0008706 ngày 24/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, nay chuyển thu. Bà Ngô Thị N, ông Lê Văn T1 mỗi người phải chịu 300.000 đồng, được đối trừ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm tại các Biên lai thu tiền số 0008707 và số 0008708 ngày 24/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, nay chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THÂM
THÂM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thế Phương